

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát;
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1: Thông qua các nội dung cụ thể như sau:**

**1. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021.**

Trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

**1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020.**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	TH 2020 (riêng)	TH 2019 (riêng)	TH 2020/ TH 2019 (Riêng)	TH 2020 (HN)	TH 2019 (HN)	TH 2020/ TH 2019 (HN)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	800,567,762,205	3,522,160,952,173	23%	1,329,627,915,814	3,431,936,907,385	39%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	800,567,762,205	3,522,160,952,173	20%	1,329,627,915,814	3,431,936,907,385	39%
3. Giá vốn hàng bán	640,035,042,777	3,149,071,046,562		990,130,932,451	2,920,546,951,023	
4. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	160,532,719,428	373,089,905,611		339,496,983,363	511,389,956,362	

Chỉ tiêu	TH 2020 (riêng)	TH 2019 (riêng)	TH 2020/ TH 2019 (Riêng)	TH 2020 (HN)	TH 2019 (HN)	TH 2020/ TH 2019 (HN)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	540,954,054,085	411,103,573,034		147,986,222,500	475,946,381,098	
6. Chi phí tài chính	216,800,581,571	130,763,137,154		214,734,429,599	130,867,040,443	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	200,605,472,802	114,148,746,847		194,625,426,154	114,252,650,136	
Phân lãi(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh				(889,206,465)	1,004,201,962	
7. Chi phí bán hàng	33,705,376,154	94,082,806,517		25,942,221,748	84,569,782,163	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	79,577,651,982	108,252,928,491		117,773,299,352	144,572,990,269	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	371,403,163,806	451,094,606,483		128,144,048,699	628,330,726,547	
10. Thu nhập khác	26,100,480,074	2,312,870,314		29,262,106,318	8,251,284,731	
11. Chi phí khác	9,576,485,900	3,150,778,307		12,740,508,007	4,063,341,564	
12. Lợi nhuận khác	16,523,994,174	(837,907,993)		16,521,598,311	4,187,943,167	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	387,927,157,980	450,256,698,490		144,665,647,010	632,518,669,714	
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	49,720,800,591	143,924,976,413		45,670,868,799	185,206,531,271	
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				1,383,299,000	(5,655,119,289)	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	338,206,357,389	306,331,722,077	110%	97,611,479,211	452,967,257,732	22%

## 1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021.

- (i) Tổng doanh thu: Từ 1.500 -:- 1.600 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ từ 1.000 -:- 1.500 tỷ đồng.
- (ii) Lợi nhuận sau thuế: Từ 370 -:- 390 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ từ 350 -:- 370 tỷ đồng.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số 28/BC-BTGD ngày 15/05/2021 của Tổng giám đốc Công ty).

## 2. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2020 đã được kiểm toán

Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

**2.1. Các chỉ tiêu chính của Bảng cân đối kế toán (đã được kiểm toán):**

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2020 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2.252,66</b>	<b>5.219,40</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	219,49	603,1
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	262,47	263,02
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	906,59	1.969,29
4. Hàng tồn kho	859,42	2.288,38
5. Tài sản ngắn hạn khác	4,69	95,61
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>4.905,88</b>	<b>2.159,13</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	439,44	295,35
2. Tài sản cố định	3,62	129,29
3. Bất động sản đầu tư	596,81	975,39
4. Tài sản dở dang dài hạn	8,54	76,3
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.510,13	325,53
6. Tài sản dài hạn khác	347,34	357,27
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>7.158,54</b>	<b>7.378,53</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>4.005,85</b>	<b>3.757,58</b>
I. Nợ ngắn hạn	2.043,87	2.557,75
II. Nợ dài hạn	1.961,98	1.199,83
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>3.152,69</b>	<b>3.620,95</b>
1. Vốn cổ phần	2.644,95	2.644,95
2. Thặng dư vốn cổ phần	60,99	60,99

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2020 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	446,75	516,43
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		398
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>7.158,54</b>	<b>7.378,53</b>

**2.2. Các chỉ tiêu chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đã được kiểm toán):**

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2020 (tỷ đồng)	
		Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>800,56</b>	<b>1.329,62</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>800,56</b>	<b>1.329,62</b>
4	Giá vốn hàng bán	640,03	990,13
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>160,53</b>	<b>339,49</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	540,95	147,98
7	Chi phí tài chính	216,80	214,73
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	200,60	194,62
8	Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên danh		(0,88)
9	Chi phí bán hàng	<b>33,71</b>	<b>25,94</b>
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	<b>79,57</b>	<b>117,77</b>
11	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>371,40</b>	<b>128,15</b>
12	Thu nhập khác	26,10	29,26
13	Chi phí khác	9,57	12,74
14	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>16,53</b>	<b>16,52</b>
15	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>387,93</b>	<b>144,67</b>
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	49,72	45,67

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2020 (tỷ đồng)	
		Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		1,38
<b>18</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>338,21</b>	<b>97,62</b>
	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ		92,29
	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		5,33
<b>19</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>325</b>

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 28A/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).

**3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020, phương án chi trả cổ tức năm 2020.**

Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (đồng)	Ghi chú
<b>1.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 (theo báo cáo được kiểm toán)</b>	<b>446.749.186.333</b>	
2.	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	22.337.459.317	
3.	Chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%	396.741.870.000	
<b>4.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã phân phối</b>	<b>27.669.857.016</b>	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty: Quyết định thời điểm thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 29/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).

**4. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty năm 2021.**

Phương án tăng vốn cụ thể như sau:

1.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
2.	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
3.	Tỷ lệ phát hành dự kiến	100:15 (tức là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền nhận 15 cổ phiếu phát hành mới)

4.	Nguồn vốn được sử dụng để phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Từ lợi nhuận sau thuế còn lại lũy kế đến 31/12/2020
5.	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại Ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp
6.	Phương thức phát hành	Cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo Phương thức thực hiện quyền
7.	Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.	
8.	Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)	Cổ phiếu được làm tròn xuống hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy
9.	Thời gian thực hiện dự kiến	Sau khi được UBCKNN chấp thuận và dự kiến trong năm 2021

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Quyết định chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi bổ sung Phương án khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền, và/hoặc điều kiện thị trường chứng khoán; quyết định Phương án sử dụng vốn thu được từ việc tăng vốn điều lệ, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Lựa chọn và quyết định cụ thể thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào tình hình thị trường;
- Thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định Pháp luật;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty, sửa đổi bổ sung Giấy phép hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).

**5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.**

*(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số 31/BC-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).*

**6. Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2020 và kế hoạch năm 2021.**

*(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số 01/BC-UBKT ngày 15/05/2021 của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán).*

**7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.**

Đại hội đồng cổ đông:

- (i) Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- (ii) Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm, thương thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng kiểm toán với đơn vị kiểm toán được phê duyệt theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 03/TTr-UBKT ngày 15/05/2021 của Ủy Ban Kiểm toán).*

**8. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2020 và kế hoạch thù lao HĐQT và các ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2021.**

Một số nội dung chủ yếu như sau:

**8.1. Quyết toán thù lao của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2020.**

- a) Thù lao của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua là: **7.020.000.000** đồng. *(Bảy tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng).*
- b) Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT trong năm 2020 là: **6.033.368.455** đồng. *(Sáu tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng).*

**8.2. Kế hoạch thù lao của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2021.**

- a) Tổng mức thù lao của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm 2021 là **7.020.000.000** đồng *(Bảy tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng).*
- b) Mức thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên thuộc các Ủy Ban trực thuộc Hội đồng quản trị trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 32/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).*

## 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông:

### 9.1. Thông qua việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.</i> <i>(Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh).</i>	6820, Điều 63, Điều 70, Điều 74 Điều 75, Luật kinh doanh bất động sản 2014

### 9.2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- (i) Lựa chọn thời điểm thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh cho phù hợp với phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.
- (ii) Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi có thay đổi; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty (điều khoản quy định về ngành nghề kinh doanh) cho phù hợp với việc thay đổi ngành nghề kinh doanh; công bố thông tin và các công việc khác có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 33/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).*

## 10. Thông qua việc sửa đổi toàn văn Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi toàn văn Điều lệ Công ty và giao và ủy quyền cho:

### 10.1. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định:

- a) Các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty nêu trên kể cả việc bổ sung, làm rõ và tiếp tục chủ động tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm, các ngữ nghĩa về câu chữ, chính tả,... cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế giữa hai phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- b) Các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện báo cáo, đăng ký với các cơ quan có liên quan về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- c) Thực hiện sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ khác có liên quan cho phù hợp với Điều lệ mới.



**10.2. Giao cho Người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ.**

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 34/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).*

**11. Thông qua việc sửa đổi toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.**

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 34A/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).*

**12. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.**

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 35/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty)*

**13. Thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề về giao dịch đầu tư, dự án đầu tư, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề về giao dịch đầu tư, dự án đầu tư, bán tài sản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, chi tiết như sau:

**13.1. Quyết định, phê duyệt các Hợp đồng/giao dịch, các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật phát sinh trong năm 2021 bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc quyết định các:**

- (i) Hợp đồng/giao dịch liên quan tới đầu tư;
- (ii) Phương án đầu tư;
- (iii) Dự án đầu tư;
- (iv) Hợp đồng/giao dịch liên quan tới bán tài sản;
- (v) Hợp đồng/giao dịch mua lại tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- (vi) Các Hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

**13.2. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ hợp đồng/giao dịch, dự án nào liên quan tới các nội dung như nêu tại Mục (13.1) kể trên trong thời gian đã kết thúc năm tài chính 2021 mà chưa tổ chức được phiên họp ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo thì HĐQT được toàn quyền quyết định mà không cần trình ĐHĐCĐ thông qua.**

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 36/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).*

**14. Thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các giao dịch với người có liên quan và các giao dịch liên quan tới cấp khoản vay, bảo lãnh, thế chấp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.**

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt:


14.1. Phê duyệt/thông qua các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng có liên quan và các giao dịch liên quan tới cấp khoản vay, bảo lãnh, thế chấp của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật phát sinh trong năm 2021 bao gồm nhưng không giới hạn bởi các giao dịch sau:

- (i) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất công ty với một trong các đối tượng sau:
  - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
  - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
  - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- (ii) Giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- (iii) Giao dịch liên quan tới cấp các khoản vay, bảo lãnh, thế chấp cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
- (iv) Các giao dịch khác theo quy định tại: Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật có liên quan thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

14.2. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ giao dịch nào liên quan tới các nội dung như nêu tại Mục (14.1) kể trên trong thời gian đã kết thúc năm tài chính 2021 mà chưa tổ chức được phiên họp ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo thì HĐQT được toàn quyền quyết định mà không cần trình ĐHĐCĐ thông qua.

*(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 15/05/2021 của HĐQT Công ty).*

**Điều 2: Điều khoản thi hành.**

- 2.1. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động, quyết định, xây dựng kế hoạch và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết (bao gồm cả các công việc phát sinh liên quan đến các nội dung đã thông qua) để triển khai thành công Nghị quyết này.
- 2.2. Cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Ban chuyên môn có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- 2.3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:** 

- Như điều 2;
- Lưu VT, VP.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Quý Hải**

